

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ
VÀ KINH DOANH NHÀ HẢI PHÒNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 19



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý và Kinh doanh nhà Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng thành viên trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Văn Minh	Quyền chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/01/2021
Ông Nguyễn Văn Quang	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01/01/2021

Các thành viên của Ban giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Quang	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/01/2021
Ông Đỗ Văn Minh	Phó tổng Giám đốc	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Nexia STT - Chi nhánh An Phát đã làm công tác kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

39752
CÔNG TY
TNHH
NEXIA STT
CHI NHÁNH
AN PHÁT
HẢI PHÒNG

Ban giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan. ✓

Hải Phòng, ngày 15 tháng 3 năm 2021

Quyền Chủ tịch Công ty



Đỗ Văn Minh



Số: 73 /2021/BC.KITTC-NEXIA.APS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Quản lý và Kinh doanh nhà Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty TNHH MTV Quản lý và Kinh doanh nhà Hải Phòng được lập ngày 15 tháng 3 năm 2021, từ trang 4 đến trang 19, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề khác

Hoạt động bán và cho thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước là hoạt động sự nghiệp, được ghi nhận như một hoạt động thu chi hộ. Trong đó, các khoản thu từ hoạt động này được Công ty nộp vào kho bạc Nhà nước hàng tháng theo số tiền thực tế đã thu, chi phí phục vụ hoạt động này được Ngân sách Nhà nước cấp trên cơ sở dự toán chi được UBND Thành phố phê duyệt hàng năm. Theo phần mềm máy tính đặc thù quản lý hoạt động cho thuê nhà, số tiền cho thuê nhà chưa thu được lũy kế đến 31/12/2020 là 93.661.019.574 VND. Số tiền này không được Công ty trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Hải Phòng, ngày 15 tháng 3 năm 2021

**CÔNG TY TNHH NEXIA STT
- CHI NHÁNH AN PHÁT**



Trần Thị Minh Tần

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0584-2018-225-1

Kiểm toán viên

Vũ Thị Minh Thu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 5018-2019-225-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	TM	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	A TÀI SẢN NGẮN HẠN		52.187.949.389	56.374.018.324
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền	3	27.704.713.032	29.514.771.088
111	1 Tiền		23.704.713.032	25.514.771.088
112	2 Các khoản tương đương tiền		4.000.000.000	4.000.000.000
130	III Các khoản phải thu ngắn hạn		7.845.170.417	10.107.484.959
131	1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	2.257.514.641	3.771.009.513
132	2 Trả trước cho người bán ngắn hạn		283.419.966	399.938.866
135	3 Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	3.853.641.048	2.764.081.048
136	4 Phải thu ngắn hạn khác	6	1.450.594.762	3.172.455.532
140	IV Hàng tồn kho	7	15.427.994.734	15.519.711.403
141	1 Hàng tồn kho		15.427.994.734	15.519.711.403
150	V Tài sản ngắn hạn khác		1.210.071.206	1.232.050.874
152	1 Thuế GTGT được khấu trừ			814.181
153	2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	1.210.071.206	1.231.236.693
200	B TÀI SẢN DÀI HẠN		275.010.114.060	277.558.292.872
210	I Các khoản phải thu dài hạn		15.646.056.748	15.646.056.748
211	1 Phải thu dài hạn của khách hàng	4	15.646.056.748	15.646.056.748
220	II Tài sản cố định		53.734.489.632	56.202.430.468
221	1 Tài sản cố định hữu hình	9	53.629.989.614	56.059.930.458
222	Nguyên giá		71.211.056.355	71.166.056.355
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(17.581.066.741)	(15.106.125.897)
227	2 Tài sản cố định vô hình	10	104.500.018	142.500.010
228	Nguyên giá		420.000.000	420.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(315.499.982)	(277.499.990)
240	IV Tài sản dở dang dài hạn		205.354.850.998	205.354.850.998
242	1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	205.354.850.998	205.354.850.998
260	VI Tài sản dài hạn khác		274.716.682	354.954.658
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	8	274.716.682	354.954.658
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		327.198.063.449	333.932.311.196

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	TM	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	A NỢ PHẢI TRẢ		64.855.929.061	69.727.484.175
310	I Nợ ngắn hạn		49.209.872.313	54.081.427.427
311	1 Phải trả người bán ngắn hạn	12	14.418.614.881	17.616.432.162
312	2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn		8.265.956.116	8.265.956.116
313	3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	5.890.571.262	4.712.872.452
314	4 Phải trả người lao động		1.823.459.622	2.181.885.267
319	5 Phải trả ngắn hạn khác	14	15.466.138.368	18.563.338.018
320	6 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	757.000.000	100.000.000
322	7 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.588.132.064	2.640.943.412
330	II Nợ dài hạn		15.646.056.748	15.646.056.748
337	1 Phải trả dài hạn khác	14	15.646.056.748	15.646.056.748
400	B VỐN CHỦ SỞ HỮU		262.342.134.388	264.204.827.021
410	I Vốn chủ sở hữu	16	67.062.751.558	67.062.751.558
411	1 Vốn góp của chủ sở hữu		66.957.727.904	66.957.727.904
418	2 Quỹ đầu tư phát triển		105.023.654	105.023.654
430	II Nguồn kinh phí và các quỹ khác		195.279.382.830	197.142.075.463
431	1 Nguồn kinh phí	17	160.723.765.855	161.196.170.776
432	2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		34.555.616.975	35.945.904.687
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		327.198.063.449	333.932.311.196

Hải Phòng, ngày 15 tháng 3 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Quyền Chủ tịch Công ty





Nguyễn Văn Sơn

Phan Thị Mai Sa

Đỗ Văn Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mã số	CHỈ TIÊU	TM	Năm nay VND	Năm trước VND
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	11.713.560.338	21.603.185.028
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu	18		94.395.108
10	3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	11.713.560.338	21.508.789.920
11	4 Giá vốn hàng bán	19	10.863.915.049	20.327.028.787
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		849.645.289	1.181.761.133
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	20	417.490.538	413.205.780
22	7 Chi phí tài chính		43.533.334	42.916.667
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		43.533.334	42.916.667
26	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	968.400.690	938.333.948
30	10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		255.201.803	613.716.298
31	11 Thu nhập khác		148.123.455	
32	12 Chi phí khác		1.292.142	1.594.513
40	13 Lợi nhuận khác		146.831.313	(1.594.513)
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		402.033.116	612.121.785
51	15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	22	56.908.564	122.743.077
60	17 Lợi nhuận sau thuế TNDN		345.124.552	489.378.708

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Sơn

Phan Thị Mai Sa

Hải Phòng, ngày 15 tháng 3 năm 2021

Quyền Chủ tịch Công ty



Đỗ Văn Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	TM	Năm nay VND	Năm trước VND
	I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1 Lợi nhuận trước thuế		402.033.116	612.121.785
	2 Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		1.287.952.540	1.201.089.017
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(417.490.538)	(413.205.780)
06	- Chi phí lãi vay		43.533.334	42.916.667
08	3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.316.028.452	1.442.921.689
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		11.194.854.256	4.945.262.134
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		91.716.669	1.030.394.090
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp		(13.168.575.977)	202.621.386
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		80.237.976	120.219.476
14	- Tiền lãi vay đã trả		(26.116.300)	(81.033.000)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(35.743.077)	(216.118.228)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		52.457.114.000	45.421.617.356
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(53.463.098.151)	(51.377.766.692)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.553.582.152)	1.488.118.211
	II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(45.000.000)	(959.931.182)
23	2 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.089.560.000)	(433.488.448)
24	3 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			220.000.000
27	4 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		221.084.096	413.205.780
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(913.475.904)	(760.213.850)
	III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	1 Tiền thu từ đi vay		957.000.000	100.000.000
34	2 Tiền trả nợ gốc vay		(300.000.000)	(800.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		657.000.000	(700.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1.810.058.056)	27.904.361
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		29.514.771.088	29.486.866.727
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	27.704.713.032	29.514.771.088

Hải Phòng, ngày 15 tháng 3 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Sơn

Phan Thị Mai Sa

Quyền Chủ tịch Công ty



Đỗ Văn Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Quản lý và Kinh doanh nhà Hải Phòng được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, với mã số doanh nghiệp 0200156068, đăng ký lần đầu ngày 02/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 02/12/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21/2/2020, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 28/01/2021 của Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 24 Phan Bội Châu, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Vốn điều lệ: 66.727.000.000 VND

Chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: Ông Đỗ Văn Minh; Sinh ngày 08/8/1963; Chức danh: Quyền Chủ tịch - Phó Tổng Giám đốc Công ty; Thẻ căn cước công dân số 031063005427 cấp ngày 20/09/2018, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 29/193 Văn Cao, phường Đằng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm dịch vụ quản lý và quyền sử dụng đất, đầu tư kinh doanh các dự án kinh doanh phát triển nhà); Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Thi công các công trình xây dựng dân dụng; Thi công các công trình xây dựng công nghiệp, giao thông thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động tư vấn quản lý: tư vấn lập hồ sơ dự án đầu tư; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: thiết kế công trình; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Thiết kế kết cấu công trình xây dựng; Hoàn thiện công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác: Giám sát công tác xây dựng, Hoàn thiện công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói đá, cát sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;
- Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy; Bán và sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (bao gồm khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, nhà trọ, phòng trọ);
- Dịch vụ ăn uống (không bao gồm quầy bar).

Thông tin về các chi nhánh trực thuộc Công ty

- Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng - Xí nghiệp kinh doanh phát triển nhà: Chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số 0200156068-003 đăng ký lần đầu ngày 10/5/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 13/9/2019. Địa chỉ chi nhánh: Số 5 Hai Bà Trưng, phường An Biên, quận Lê Chân, Hải Phòng.
- Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng - Xí nghiệp xây dựng và phát triển nhà: Chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số 0200156068-004 đăng ký lần đầu ngày 13/9/2010, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 17/4/2020. Địa chỉ chi nhánh: Số 24 Phan Bội Châu, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp

Không có hoạt động nào ảnh hưởng trọng yếu đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 21/12/2014 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi bổ sung của Bộ tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính tổng hợp được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013, Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 và các văn bản sửa đổi, bổ sung liên quan của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	30 năm
Máy móc, thiết bị	07 năm
Phương tiện vận tải	10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 - 05 năm
Phần mềm kế toán	05 năm

2.7. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.9. Nguyên tắc ghi nhận tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và phụ cấp đã được thỏa thuận trên Hợp đồng lao động và Thỏa ước lao động tập thể.

Bảo hiểm xã hội được trích trên lương và phụ cấp lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%;

Bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp được trích trên lương và phụ cấp lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 0,5%;

Bảo hiểm y tế được trích trên lương đóng bảo hiểm xã hội vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%;

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương đóng bảo hiểm xã hội vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%;

Kinh phí công đoàn được trích trên lương căn bản vào chi phí là 2%.

2.10. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

2.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo các quy định tại:

- Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 trong đó thay đổi bổ sung một số điều trong NĐ số 91/2015/NĐ-CP và bãi bỏ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 31 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Thông tư số 219/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 91/2015/NĐ-CP về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Thông tư 59/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 7 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 219/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ tài chính.

2.13. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động công ích:

Đối với tiền cho thuê nhà và bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước: Được ghi nhận trên cơ sở tiền cho thuê nhà và tiền bán nhà thực tế thu được;

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí lãi vay;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

2.17. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

2.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt với Công ty. Theo đó:

- Các thành viên Hội đồng thành viên Ban Giám đốc được coi là bên liên quan.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 24 trang 17.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	13.991.542	15.081.347
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.690.721.490	24.170.189.741
Tiền đang chuyển		1.329.500.000
Các khoản tương đương tiền (*)	4.000.000.000	4.000.000.000
Cộng	27.704.713.032	29.514.771.088

(*): Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng tại NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Hồng Bàng

4 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và kỳ hạn thanh toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	2.257.514.641	3.771.009.513
Trung tâm phát triển quỹ đất Hồng Bàng	172.456.000	172.456.000
UBND xã Đồng Thái	92.062.000	92.062.000
Công ty TNHH MTV DV và DL biển đảo Hải Thành	494.151.200	494.151.200
Văn phòng Sở xây dựng 32 Lý Tự Trọng	1.308.833.115	2.254.116.000
Các đối tượng khác	190.012.326	758.224.313
Dài hạn	15.646.056.748	15.646.056.748
Tiền mua nhà trả góp chung cư Khúc Thừa Dụ (*)	15.646.056.748	15.646.056.748
Cộng	17.903.571.389	19.417.066.261

(*) Căn cứ quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 25/02/2016 về việc chuyển quyền quản lý vận hành nhà thuộc sở hữu Nhà Nước tại khu chung cư tái định cư và nhà ở cho người có thu nhập thấp 5 tầng phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng, Công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng đã nhận số dư phải thu về tiền trả góp của các hộ dân trong vòng 20 năm là 15.646.056.748 VND từ Ban quản lý nâng cấp Đô thị Hải Phòng. Công ty sẽ chuyển trả về ngân sách Nhà nước khi thu hồi được các khoản công nợ này

5 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn (*)	3.853.641.048	2.764.081.048
Nguyễn Xuân Thắng	2.685.081.048	2.685.081.048
Lê Thanh Hà	766.560.000	56.000.000
Phạm Đình Nghị	300.000.000	23.000.000
Đặng Viết Châu	87.000.000	
Vũ Tuấn Anh	15.000.000	
Cộng	3.853.641.048	2.764.081.048

(*) Phải thu về các khoản vay không thời hạn hỗ trợ cho các đội kỹ thuật chỉ trả chi phí thi công các công trình.

6 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tạm ứng	443.680.000	2.327.826.455
Ký cược, ký quỹ	103.508	54.541.533
Phải thu khác	1.006.811.254	790.087.544
Lãi cho các đội kỹ thuật vay	713.905.433	517.498.991
Phạt chậm nộp, truy thu thuế	154.994.778	155.570.249
Phải thu khác	137.911.043	117.018.304
Cộng	1.450.594.762	3.172.455.532

7 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	157.227.849	116.699.847
Công cụ dụng cụ	39.479.304	40.029.976
Chi phí SXKD dở dang	15.231.287.581	15.362.981.580
Cộng	15.427.994.734	15.519.711.403

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trang thiết bị hành chính	274.716.682	353.794.658
Các khoản khác		1.160.000
Cộng	274.716.682	354.954.658

9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (Phụ lục 1 trang 18)

10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Phần mềm máy tính

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	230.000.000
--	-------------

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dự án Đ2 Đồng Quốc Bình	129.132.762.889	129.132.762.889
Dự án chung cư 5 tầng Cát Bi	76.222.088.109	76.222.088.109
Cộng	205.354.850.998	205.354.850.998

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bạch Đằng 5	2.985.745.957	2.985.745.957
Công ty CP bảo vệ Đại An Phát	1.354.680.000	346.110.000
Công ty TNHH Vận tải xây dựng thương mại Đức Thiện	2.245.269.006	2.554.481.505
Các đối tượng khác	7.832.919.918	11.730.094.700
Cộng	14.418.614.881	17.616.432.162

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	740.030.961	6.384.974.934	6.446.792.464	678.213.431
Thuế thu nhập DN	(94.261.845)	56.908.564	35.743.077	(73.096.358)
Thuế thu nhập cá nhân	58.409.843	47.550.318	61.106.201	44.853.960
Thuế nhà đất		1.823.126.692	1.823.126.692	
Lệ phí môn bài		5.000.000	5.000.000	
Tiền bán và cho thuê nhà	3.794.431.648	71.304.154.761	70.051.082.538	5.047.503.871
Thuế khác	(556.215)			(556.215)
Các khoản khác	(1.016.418.633)	482.912	482.912	(1.016.418.633)
Cộng	3.481.635.759	79.622.198.181	78.423.333.884	4.680.500.056

14 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	15.466.138.368	18.563.338.018
Kinh phí công đoàn	193.594.565	228.668.621
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	226.635.055	173.048.327
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.045.908.748	18.161.621.070
<i>Phải trả cho các đội thi công và công nhân kỹ thuật</i>	<i>12.269.793.093</i>	<i>15.407.406.079</i>
<i>Phải trả lãi vay</i>	<i>19.934.001</i>	<i>2.516.967</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>2.756.181.654</i>	<i>2.751.698.024</i>
Dài hạn	15.646.056.748	15.646.056.748
Tiền nhà trả góp tại khu chung cư Khúc Thừa Dụ (*)	15.646.056.748	15.646.056.748
Cộng	31.112.195.116	34.209.394.766

(*) Căn cứ quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 25/02/2016 về việc chuyển quyền quản lý vận hành nhà thuộc sở hữu Nhà Nước tại khu chung cư tái định cư và nhà ở cho người có thu nhập thấp 5 tầng - phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng, Công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng đã nhận số dư phải thu về tiền trả góp của các hộ dân trong vòng 20 năm là 15.646.056.748 VND từ Ban quản lý nâng cấp Đô thị Hải Phòng. Công ty sẽ chuyển trả về ngân sách Nhà nước khi thu hồi được các khoản công nợ này.

15 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Phụ lục 2 trang 19)

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa pp VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	66.957.727.904	105.023.654		67.062.751.558
Lãi trong năm trước			489.378.708	489.378.708
Phân phối lợi nhuận			(489.378.708)	(489.378.708)
Số dư đầu năm nay	66.957.727.904	105.023.654		67.062.751.558
Lãi trong năm nay			345.124.552	345.124.552
Phân phối lợi nhuận			(345.124.552)	(345.124.552)
Số dư cuối năm nay	66.957.727.904	105.023.654		67.062.751.558

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Theo Giấy CN ĐKKD		Số cuối năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
UBND thành phố Hải Phòng	66.727.000.000	100%	66.957.727.904	100,35%
Cộng	66.727.000.000	100%	66.957.727.904	100,35%

17 . NGUỒN KINH PHÍ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Nguồn kinh phí đầu năm	161.196.170.776	167.238.914.276
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	52.457.114.000	46.499.270.480
Thu khác - Nhận lại tiền án phí	104.474.000	
Chi sự nghiệp	(53.033.992.921)	(51.294.284.856)
Chi khác		(1.247.729.124)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	160.723.765.855	161.196.170.776

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu		
Doanh thu các công trình Nhà nước giao	9.419.459.997	15.099.169.776
Doanh thu các công trình khác	2.294.100.341	6.504.015.252
	11.713.560.338	21.603.185.028
Giảm giá hàng bán		(94.395.108)
Doanh thu thuần	11.713.560.338	21.508.789.920

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hoạt động xây dựng	10.863.915.049	20.327.028.787
Cộng	10.863.915.049	20.327.028.787

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	417.490.538	413.205.780
Cộng	417.490.538	413.205.780

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC	5.118.333	6.784.966
Chi phí nhân công	835.590.606	735.516.508
Chi phí dịch vụ mua ngoài	115.707.206	104.233.383
Chi phí khác bằng tiền	11.984.545	91.799.091
Cộng	968.400.690	938.333.948

22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	402.033.116	612.121.785
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm	4.456.628	1.594.513
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>3.500.145</i>	
<i>Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính</i>	<i>956.483</i>	<i>1.594.513</i>
Thu nhập chịu thuế TNDN	406.489.744	613.716.298
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	81.297.949	122.743.077
Giảm thuế TNDN theo nghị định 114/2020/NĐ-CP	(24.389.385)	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	56.908.564	122.743.077

23 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200156068 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 28/01/2021 thì: ông Đỗ Văn Minh là người đại diện theo pháp luật, chức danh: Quyền chủ tịch công ty. Ngoài ra, không còn sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

24 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng thành viên và Ban giám đốc	588.318.931	377.162.396

25 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

Hải Phòng, ngày 15 tháng 3 năm 2021

Người lập



Nguyễn Văn Sơn

Kế toán trưởng



Phan Thị Mai Sa



Quyền Chủ tịch Công ty

Đỗ Văn Minh

PHỤ LỤC 1: TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	68.840.501.791	55.636.364	1.188.589.500	1.081.328.700	71.166.056.355
Mua sắm mới				45.000.000	45.000.000
Số dư cuối năm	68.840.501.791	55.636.364	1.188.589.500	1.126.328.700	71.211.056.355
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	13.533.153.206	55.636.364	1.188.589.500	328.746.827	15.106.125.897
Khấu hao trong năm	2.291.967.120			182.973.724	2.474.940.844
Số dư cuối năm	15.825.120.326	55.636.364	1.188.589.500	511.720.551	17.581.066.741
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	55.307.348.585			752.581.873	56.059.930.458
Tại ngày cuối năm	53.015.381.465			614.608.149	53.629.989.614

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

1.450.673.382

PHỤ LỤC 2: VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND		VND
Vay ngắn hạn	757.000.000	757.000.000	957.000.000	300.000.000	100.000.000	100.000.000
Cộng	757.000.000	757.000.000	957.000.000	300.000.000	100.000.000	100.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Mục đích vay	Thời hạn vay	Loại tiền	Lãi suất/tháng	Số cuối năm	Số đầu năm
Trần Thị Hằng	Đầu tư sản xuất kinh doanh	9 tháng	VND	1%	50.000.000	
Đặng Viết Châu	Đầu tư sản xuất kinh doanh	9 tháng	VND	0,8%	500.000.000	
Đào Thị Thu Hà	Đầu tư sản xuất kinh doanh	6 tháng	VND	1%	100.000.000	100.000.000
Dương Mai Phương	Đầu tư sản xuất kinh doanh	6 tháng	VND	1%	107.000.000	
Cộng					757.000.000	100.000.000





Nexia STT

Audit and Assurance
Accounting and Business Process Outsourcing
International and Local Taxation
Transfer Pricing
Business Advisory

Nexia STT

Kiểm toán
Kế toán
Thuế
Chuyển giá
Tư vấn doanh nghiệp

Hai Phong Office

No.245 Bach Dang Str., Thuong Ly Ward,
Hong Bang District, Hai Phong City, Vietnam

Phone: +84 (225) 3 539969/666/555

Email: ktanphat@nexia.vn - 0936 807 769

quyet.vo@nexia.vn - 0936 937 769

marketing.anphat@nexia.vn - 0934 662 260

Ha Noi Office

19th floor, C'Land Tower, 156 Xa Dan II
Dong Da District, Hanoi City

Ho Chi Minh Office

9th floor, Estar Building, No.147-149 Vo Van Tan Str.
Ward 6, District 3, Hochiminh City

Web: www.nexia.vn